

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T TỈNH B
Bản án số: 18/2023/HS-ST
Ngày 23/02/2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
 - Ông Trần Hồng Sơn - Giáo viên Trường THCS xã Đại Đồng Thành.
 - Bà Vũ Thị Lan A - Giáo viên nghỉ hưu xã An Bình.
- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:** Ông Trần DA Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23/02/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2023/TLST-HS, ngày 13/01/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HS ngày 10/02/2023, đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và con bà Đỗ Thị T; vợ con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không;

- Nhân thân: + Tại Bản án số 74/2013/HSST ngày 20/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh H; xử phạt bị cáo 01 năm 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 23/4/2015, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và các Quyết định khác của bản án.

+ Tại Bản án số 39/2017/HSST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H; xử phạt bị cáo 01 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 07/10/2018, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và các Quyết định khác của bản án.

+ Tại Bản án số 40/2019/HSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H; xử phạt bị cáo 01 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 29/7/2020, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và các Quyết định khác của bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 28/10/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam Nhà tạm giữ Công an huyện T tỉnh B (có mặt).

2. **Nguyễn Ngọc P**, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và con bà Đặng Thị N (đã chết); có vợ: Lê Thị T; có 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2005); tiền sự, tiền án: Không;

- Nhân thân: + Tại Bản án số 253/2008/HSST ngày 11/9/2008 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Q; xử phạt bị cáo 42 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 18/3/2011, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và các Quyết định khác của bản án.

+ Ngày 24/7/2015 bị cáo đã bị Công an huyện T, B ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 28/10/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam Nhà tạm giữ Công an huyện T tỉnh B (có mặt).

3. **Nguyễn Ngọc A** sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Ngọc T và con bà Nguyễn Thị H; Vợ con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không;

- Nhân thân: + Tại Bản án số 06/2017/HSST ngày 16/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H; xử phạt bị cáo 03 năm 6 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Ngày 03/5/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và các Quyết định khác của bản án.

+ Ngày 21/9/2021 bị cáo đã bị Công an xã Đ, V, H xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong cùng ngày.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 28/10/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam Nhà tạm giữ Công an huyện T tỉnh B (có mặt).

4. **Nguyễn Văn S**, sinh ngày 24/3/2005; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn D và con bà Nguyễn Thị H; vợ con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa P (có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại:

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn N, xã G, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Tất T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

* Người đại diện cho bị cáo S: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn S, Nguyễn Ngọc P và Nguyễn Ngọc A đều là các đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng 11 giờ ngày 28/10/2022, Ngọc A, P và S đang ngồi ở quán nước gần trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh ở tỉnh H; B sử dụng điện thoại màu đen vàng có in hình VERTU gắn sim số 0974.086.336 gọi cho Ngọc A; Ngọc A sử dụng điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 PRO, màu ghi gắn sim số 0964.650.833 để rủ Ngọc A, P và S đến nhà B để đi câu trộm chó trên địa bàn huyện T, tỉnh B bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, P điều khiển xe mô tô Wave, màu xA đen bạc, biển kiểm soát (BKS): 29B1-320.05 của Ngọc A chở theo Ngọc A và S đến nhà B. Tại đây, B đầu nối một cần câu chó bằng tre dài 96cm một đầu có gắn dây pha xe máy bằng kim loại, đính 2 vật nhọn bằng kim loại hình ngôi S sáu cạnh, phần tay cầm quần bằng dính màu đen, từ dây kim loại nối có một dây điện dẫn đến bộ kích điện quần bằng dính màu đen đầu nối với bình ắc quy trong cốp xe mô tô Sirius, màu xám đen, không gắn biển kiểm soát của B. Sau đó, B đưa cho Ngọc A một cần câu chó bằng tre tương tự như của B, một bộ kích điện và một cuộn băng dính màu đen và bảo Ngọc A đầu nối vào xe mô tô Wave, màu xA, BKS: 29B1-320.05 của Ngọc A; S gấp bao tải bằng dừa ở sân nhà B cài vào gác ba ga phía trước xe mô tô nêu trên của B; P cũng lấy một bao tải dừa ở sân gấp lại cài vào gác ba ga xe mô tô nêu trên của Ngọc A. Sau đó, S điều khiển xe mô tô nêu trên của B chở theo B ngồi sau đi trước để B ngồi sau cầm cần câu trộm chó, còn P điều khiển xe mô tô của Ngọc A chở theo Ngọc A ngồi sau cầm cần câu chó và đi phía sau xe của S và B để câu trộm chó và chờ chó khi B trộm cắp được. Sau đó, B, P, Ngọc A và S cùng nhau đi trộm cắp chó trên địa bàn huyện T. Cụ thể:

- Khoảng hơn 11 giờ 30 phút cùng ngày, tại đoạn đường thuộc thôn C, xã H, huyện T, tỉnh B. S và B phát hiện thấy một con chó cái màu nâu, nặng khoảng 4 kg của A Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; trú tại: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh B đang đi ở đường. Thấy không có ai trông coi, S điều khiển xe chở B đi qua con chó một đoạn rồi quay lại gần con chó, B dùng cần câu chó móc vào cổ con chó, sau đó bật công tắc điện ở sườn xe làm con chó bị điện giật tê liệt, B kéo con chó lên xe đặt vào lòng và lấy băng dính màu đen để ở trong túi áo của S ra quần quA mồm con chó lại. Sau đó, S điều khiển xe đi đến đoạn đường vắng vẻ không có người qua lại

để chuyển con chó vừa trộm cắp được sang xe của P. P đưa cho Ngọc A một bao tải dứa để đựng chó, rồi Ngọc A quần miêng bao tải lại đưa cho P. P để bao tải có chó lên gác ba ga phía trước xe rồi ngồi lên miêng bao tải.

- Khoảng 11 giờ 55 phút cùng ngày, tại đoạn đường thuộc thôn N, xã G, huyện T, tỉnh B thì B và S phát hiện thấy một con chó đực, màu vàng cháy lông xù nặng 11kg của nhà ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1957; trú tại: Thôn N, xã G, huyện T, tỉnh B đang đứng ở ngoài đường. Thấy không có ai trông coi, S chở B thực hiện câu trộm con chó này với P thức thủ đoạn như trên. Sau khi trộm cắp được chó, S chở B đi ra chỗ vắng vẻ cất chó vào bao tải trên xe của P và Ngọc A.

- Khoảng 12 giờ 10 phút cùng ngày, tại đoạn đường thuộc thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B thấy một con chó cái màu đen nặng 12kg của nhà A Nguyễn Tất T, sinh năm 1979; trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B đang đi ở đường. Thấy không có ai trông coi, S chở B thực hiện câu con chó này với P thức thủ đoạn như trên, rồi đi ra chỗ vắng vẻ cất chó vào bao tải trên xe của P và Ngọc A.

- Khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày, khi đang đi trên đường liên xã T, huyện T, tỉnh B thấy có 02 chiếc dao ở lề đường thì B nhặt lấy 01 (một) dao tự chế dài 80cm, chuôi dài 25,5cm, loại một lưỡi sắc có đầu nhọn, bản rộng nhất 6,5cm cài vào sườn xe của B, Ngọc A cũng nhặt lấy 01 (một) dao tự chế dài 95cm, chuôi dài 32,5cm, loại một lưỡi sắc có đầu nhọn, bản rộng nhất 5cm cài vào sườn xe của Ngọc A. Sau đó, B, P, Ngọc A và S tiếp tục đi tìm chó trên địa bàn huyện T để trộm cắp. Đến khoảng 12 giờ 35 phút cùng ngày, khi đến đoạn đường thuộc thôn Ngọc Nội, xã T, huyện T, tỉnh B thì bị lực lượng công an phát hiện kiểm tra. Thấy lực lượng Công an, B, P, Ngọc A và S bỏ chạy để lại xe mô tô và tài sản trộm cắp được. Ngay sau đó, bị lực lượng Công an và người dân truy đuổi bắt quả tang, thu giữ vật chứng:

- 01 (một) con chó đực lông màu vàng cháy, lông xù trọng lượng 11kg, chó vẫn còn sống.

- 01 (một) con chó cái lông màu đen, trọng lượng 12kg, chó vẫn còn sống.

- 01 (một) con chó cái lông màu nâu, trọng lượng 04kg, chó vẫn còn sống.

- 02 (hai) cuộn băng dính màu đen.

- 02 (hai) bao dứa màu trắng.

- 01 (một) dao tự chế dài 80cm, chuôi dài 25,5cm, loại một lưỡi sắc có đầu nhọn, bản rộng nhất 6,5cm.

- 01 (một) dao tự chế dài 95cm, chuôi dài 32,5cm, loại một lưỡi sắc có đầu nhọn, bản rộng nhất 5cm.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen vàng có in hình VERTU.

- 01 (một) điện thoại màu ghi, nhãn hiệu Iphone 11 PRO.

- 01 (một) điện thoại màu hồng, nhãn hiệu Iphone 6 Plus.

- 02 (hai) cần câu chó bằng tre, được nối với dây điện và bộ phận kích điện.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: YAMAHA Sirius, màu xám đen, không gắn biển kiểm soát.

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu: HONDA Wave, màu xA đen bạc, gắn biển kiểm soát: 29B1 - 320.05.

Ngày 28/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Yêu cầu định giá tài sản. Đến ngày 31/10/2022, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Thuận Thành ra Kết luận định giá tài sản số 44/KLĐG - HĐĐG kết luận: Tại thời điểm định giá, 01 (một) con chó đực lông màu vàng cháy, lông xù trọng lượng 11kg, chó vẫn còn sống có giá trị 1.375.000 đồng (một triệu, ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng), 01 (một) con chó cái lông màu đen, trọng lượng 12kg, chó vẫn còn sống có giá trị 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng), 01 (một) con chó cái lông màu nâu, trọng lượng 04kg, chó vẫn còn sống có giá trị 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt ngày 28/10/2022 là 3.375.000 đồng (ba triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 15/11/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định biển số, số khung số máy của 02 chiếc xe mô tô nêu trên. Đến ngày 17/11/2022, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B ra Kết luận giám định số: 1825/KL-KTHS kết luận:

- Số khung, số máy đóng trên xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại sirius, không gắn biển kiểm soát không bị tẩy xóa, không đóng đục lại. Hàng chữ số RLCUE3210KY317840 và hàng chữ số E3X9E-700491 đóng trên xe là nguyên thủy.

- Số khung, số máy đóng trên xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển kiểm soát: 29B1-320.05 không bị tẩy xóa, không đóng đục lại. Hàng chữ số JA39E-1348138 và hàng chữ số RLHJA3914LY015041 đóng trên xe là nguyên thủy.

- Không đủ cơ sở kết luận biển kiểm soát 29B1-320.05 nền màu trắng, chữ, số và viền màu đen gửi giám định là thật hay giả do không có mẫu so sánh.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 08/CT-VKSTT, ngày 12/01/2023 của VKSND huyện T đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên nội dung như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P từ 07 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2022.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A từ 07 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 90,91; khoản 1 Điều 101 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 05 tháng đến 07 tháng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 12 đến 14 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng; ngoài ra đối với bị cáo S phạm tội ở tuổi chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ số tài sản các bị cáo trộm cắp đã trả lại cho bị hại và bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 02 cuộn băng dính màu đen; 02 bao dứa màu trắng; 01 dao tự chế dài 80cm, chuôi dài 25,5cm, loại một lưỡi sắc có đầu nhọn, bản rộng nhất 6,5cm; 01 dao tự chế dài 95cm, chuôi dài 32,5cm, loại một lưỡi sắc có đầu nhọn, bản rộng nhất 5cm; 02 cần câu chó bằng tre, được nối với dây điện và bộ phận kích điện; 02 sim số điện thoại (0974.086.336 và 0964.650.833) và 01 biển kiểm soát 29B1-320.05 nền màu trắng, chữ, số và viền màu đen. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại sirius, số khung RLCUE3210KY317840, số máy: E3X9E-70049; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, số khung: JA39E-1348138 và số máy: RLHJA3914LY015041; 01 điện thoại màu đen vàng có in hình VERTU; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 PRO. Trả lại bị cáo P 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu hồng lắp sim số 0384.430.904, nhưng được giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo và người đại diện cho bị cáo S nhất trí với bản luận tội của VKSND huyện T và không có ý kiến gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù người bị hại là ông Nguyễn Tiến C, A Nguyễn Tất T và A Nguyễn Văn H đều vắng mặt tại phiên tòa. Nhưng ông C, A Thành, A H đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu hợp lệ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của ông C, A Thành, A H không ảnh hưởng gì đến nội dung vụ án nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông C, A Thành, A H là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ hơn 11 giờ 30 phút đến 12 giờ 10 phút ngày 28/10/2022, tại địa huyện T, tỉnh B. Nguyễn Văn B, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Văn S đã có hành vi lén lút trộm cắp tại thôn C, xã H 01 con chó cái màu nâu nặng 04kg của A Nguyễn Văn H trị giá 500.000 đồng; tại thôn N, xã G 01 con chó đực màu vàng cháy, lông xù nặng 11kg của ông Ngô Tiến C trị giá 1.375.000 đồng; tại thôn T, xã T 01 con chó cái, lông màu đen nặng 12kg của A Nguyễn Tất T trị giá 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.375.000 đồng. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, đúng như tội dA và điều luật mà Cáo trạng của VKSND huyện T đã truy tố.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới khách thể của tội phạm là quyền sở hữu tài sản được luật hình sự bảo vệ. Ngoài ra hành vi của các bị cáo làm mất trật tự trị an tại địa P, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, đối với các bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng từng bị cáo.

Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn bởi vì: Do thiếu tiền tiêu sái cá nhân, bị cáo B đã điện thoại cho bị cáo Ngọc A và bị cáo P đi trộm cắp chó; bị cáo S nghe thấy vậy cũng đi theo Ngọc A và P. Trong vụ án này bị cáo B là người chủ mưu, chuẩn bị công cụ P tiện và là người thực hành. Bị cáo P, Ngọc A và bị cáo S có vai trò giúp sức. Tuy nhiên, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhau chặt chẽ. Xét thấy

trong vụ án, bị cáo B là người có vai trò chính nên bị cáo Bình phải chịu hình phạt cao hơn so với bị cáo Ngọc A, P và S.

Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Đối với bị cáo S chưa có tiền án tiền sự nên bị cáo được xác định là người có nhân thân tốt. Đối với các bị cáo B, Ngọc A và P đã từng bị Tòa án kết tội; ngoài ra bị cáo Ngọc A và P đã từng bị Công an xử phạt hành chính. Tuy các bị cáo B, Ngọc A và P đã được xoá án tích và bị cáo Ngọc A và P đã được xoá tiền sự, nhưng các bị cáo B, Ngọc A và P được xác định là người có nhân thân chưa tốt.

Xét về các tình tiết tăng, nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Đối với bị cáo B điện thoại rủ bị cáo S đi trộm cắp nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo P, Ngọc A và S không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; bản thân các bị cáo nhận thức đầy đủ hành vi trộm cắp là trái pháp luật, nhưng chỉ lười lao động để có tiền tiêu sài cá nhân nên các bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Đối với bị cáo B, Ngọc A và P đã từng bị Tòa án kết án, nhưng các bị cáo không thấy đó là bài học cảnh tỉnh cho bản thân nên bị cáo B, Ngọc A và P được xác định là người coi thường pháp luật. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, số tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại đầy đủ cho bị hại; xét thấy, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra đối với bị cáo S lần phạm tội này là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ích nghiêm trọng nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra tại thời điểm phạm tội bị cáo S đang ở độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên mức hình phạt cao nhất áp dụng cho bị cáo không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định quy định tại Điều 90,91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, đối với các bị cáo B, Ngọc A và P cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có có tác dụng cải tạo các bị cáo này trở thành công dân có ích cho xã hội; đối với bị cáo S không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội và thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng; ngoài ra đối với bị cáo S phạm tội ở tuổi chưa thành niên nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu gì đối với các bị cáo nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Đối với tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại; xét thấy, trong quá trình điều tra vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại bị hại là đúng quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét. Đối với 02 cuộn băng dính màu đen; 02 bao dứa màu trắng; 01 dao tự chế dài 80cm, chuôi dài 25,5cm, loại một lưỡi sắc có đầu nhọn, bản rộng nhất 6,5cm; 01 dao tự chế dài 95cm, chuôi dài 32,5cm, loại một lưỡi sắc có đầu nhọn, bản rộng nhất 5cm; 02 cần câu chỏ bằng tre, được nối với dây điện và bộ phận kích điện do CQĐT Công an huyện T thu giữ của các bị cáo xét thấy, các bị cáo đã sử dụng các công cụ trên vào mục đích phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với sim số điện thoại 0974.086.336 lắp trong điện thoại VERTU của bị cáo B; sim số điện thoại 0964.650.833 lắp trong điện thoại Iphone 11 PRO của bị cáo Ngọc A; xét thấy, các bị cáo B và A đã sử dụng vào mục đích phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 biển kiểm soát 29B1-320.05 nền màu trắng, chữ, số và viền màu đen lắp trên xe nhãn hiệu Honda, loại Wave, số khung: JA39E-1348138 và số máy: RLHJA3914LY015041 của Ngọc A; xét thấy, chiếc biển số xe này không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại sirius, số khung RLCUE3210KY317840, số máy: E3X9E-700491 và 01 điện thoại màu đen vàng có in hình VERTU do CQĐT Công an huyện T thu giữ; xét thấy, đây là tài sản của bị cáo B, bị cáo đã sử dụng vào mục đích có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, số khung: JA39E-1348138 và số máy: RLHJA3914LY015041 và 01 điện thoại màu ghi nhãn hiệu Iphone 11 PRO do CQĐT Công an huyện T thu giữ của bị cáo Ngọc A; xét thấy, đây là tài sản của bị cáo Ngọc A, bị cáo đã sử dụng vào mục đích có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với 01 điện thoại màu hồng nhãn hiệu Iphone 6 Plus, lắp sim số 0384.430.904 do CQĐT Công an huyện T thu giữ; xét thấy, đây là tài sản của bị cáo P, bị cáo không sử dụng vào mục đích liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tuyên trả bị cáo nhưng được giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2022. Tạm giam bị cáo 45 ngày, tính từ ngày tuyên án.

* Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Ngọc P mỗi bị cáo 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2022. Tạm giam bị cáo 45 ngày, tính từ ngày tuyên án.

* Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 04 (bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo S cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

* Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 02 cuộn băng dính màu đen; 02 bao dứa màu trắng; 01 dao tự chế dài 80cm, chuôi dài 25,5cm, loại một lưỡi sắc có đầu nhọn, bản rộng nhất 6,5cm; 01 dao tự chế dài 95cm, chuôi dài 32,5cm, loại một lưỡi sắc có đầu nhọn, bản rộng nhất 5cm; 02 cần câu chó bằng tre, được nối với dây điện và bộ phận kích điện; 02 sim số điện thoại (0974.086.336 và 0964.650.833) và 01 biên kiểm soát 29B1-320.05 nền màu trắng, chữ, số và viền màu đen. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại sirius, số khung RLCUE3210KY317840, số máy: E3X9E-70049; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, số khung: JA39E-1348138 và số máy: RLHJA3914LY015041; 01 điện thoại màu đen vàng có in hình VERTU và 01 điện thoại màu ghi nhãn hiệu Iphone 11 PRO. Trả lại bị cáo P 01 điện thoại màu hồng nhãn hiệu Iphone 6 Plus, lắp sim số 0384.430.904, nhưng được giữ để đảm bảo thi hành án (theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ngày 16/01/2023).

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo và người đại diện của bị cáo S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.
- VKSND tỉnh B.
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T.
- Trại tạm giam Công an tỉnh B,
- Bị cáo, người đại diện của bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Hà

